



TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM - CTCP

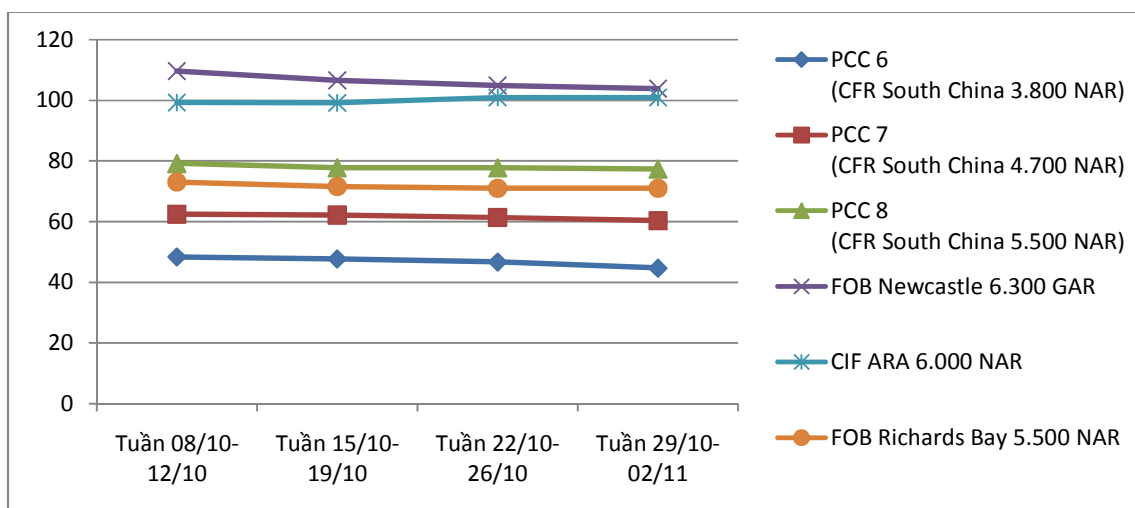
CÔNG TY NHẬP KHẨU VÀ PHÂN PHỐI THAN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ BẢN TIN THAN TUẦN 1 - THÁNG 11 (Từ 29/10 – 2/11)

I. PHÂN TÍCH THỊ TRƯỜNG THAN

1. GIÁ THAN KHU VỰC

Đơn vị tính: USD/tấn

Chỉ số giá	Tuần 08/10-12/10	Tuần 15/10-19/10	Tuần 22/10-26/10	Tuần 29/10-2/11
PCC 6 (CFR South China 3,800 NAR)	48,38	47,7	46,72	44,65
PCC 7 (CFR South China 4,700 NAR)	62,45	62,16	61,38	60,31
PCC 8 (CFR South China 5,500 NAR)	79,16	77,75	77,70	77,35
FOB Newcastle 6,300 GAR	109,62	106,56	104,84	103,79
CIF ARA 6,000 NAR	99,22	99,14	100,89	97,22
FOB Richards Bay 5,500 NAR	73	71,53	70,96	69,29
NEWC (FOB Newcastle 6000 NAR)	N/A	N/A	N/A	N/A



Biểu đồ 1: Giá than trung bình khu vực đến tuần 1 tháng 11 (2018)

(Nguồn: Platts Coal Trader International)

2. CUỘC VẬN TẢI ĐƯỜNG BIỂN QUỐC TẾ

Đơn vị: USD/tấn

	Cước vận tải tuần 1 tháng 11	29/10	30/10	31/10	1/11	2/11
Tàu Capesize (150,000 tấn)						
1	Úc – Trung Quốc	10,70	10,75	10,35	10,50	10,60
2	Queensland – Nhật Bản	12,30	12,35	12,10	12,10	12,20
3	New South Wales – Hàn Quốc	13,15	13,20	12,95	12,95	13,05
Tàu Panamax (70,000 tấn)						
1	Richards Bay - Tây Ấn Độ	14,20	14,00	14,00	14,00	14,00
2	Kalimantan - Tây Ấn Độ	10,05	9,90	9,90	10,00	10,00
3	Richards Bay - Đông Ấn Độ	14,50	14,25	14,25	14,25	14,25
4	Kalimantan - Đông Ấn Độ	8,40	8,25	8,25	8,35	8,35
5	Úc - Trung Quốc	13,40	13,25	13,35	13,60	13,60
6	Úc - Ấn Độ	15,00	14,90	15,00	15,30	15,30

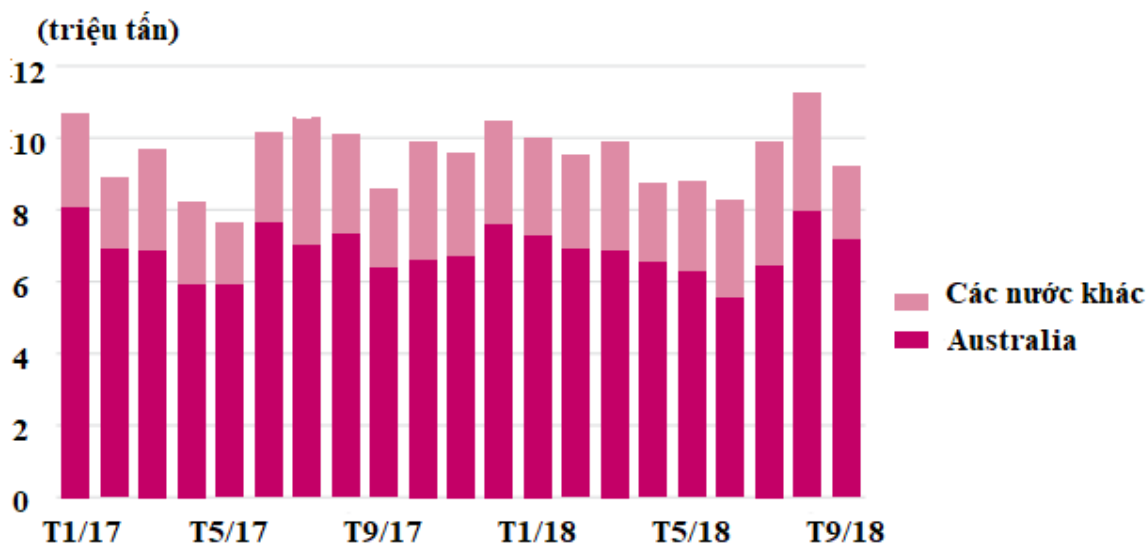
(Nguồn: Platts Coal Trader International)

II. ĐIỂM TIN

Nhật Bản nhập khẩu 9,24 triệu tấn than trong tháng 9

Nhật Bản đã nhập khẩu 9,24 triệu tấn than nhiệt trong tháng 9, tăng 8% so với cùng kỳ năm ngoái, nhưng giảm 7% so với tháng 8, tháng cao nhất trong nhiều năm trở lại đây, theo dữ liệu từ Bộ Tài chính Nhật Bản hôm thứ 3 (30/10). Australia là nước cung cấp than lớn nhất cho Nhật Bản với 7,16 triệu tấn, giảm 10% so với tháng 8 nhưng tăng 12% so với cùng kỳ năm trước. Nhật Bản là nước nhập khẩu than nhiệt trị giá cao nhất của Australia. Các cuộc đàm phán hợp đồng mua bán than kỳ hạn giữa Nhật Bản và Australia thường là động lực chính tác động đến giá than Newcastle 6.000 kcal/kg NAR, điều kiện FOB, theo phân tích của Platts.

Tình hình nhập khẩu than của Nhật Bản



Sau Australia là Nga với 733.086 tấn, giảm 31% so với tháng 8 và 15% so với cùng kỳ năm ngoái. Lượng than Nhật Bản nhập khẩu từ Indonesia đạt 375.920 tấn, giảm 69% so với tháng 8 nhưng tăng 15% so với cùng kỳ năm trước, trong đó than sub-bitum giảm xuống còn 443.870 tấn, giảm 46% so với tháng 8 và 34% so với cùng kỳ năm ngoái. Nhu cầu nhập khẩu than sub-bitum thường biến động, do đó lượng than sub-bitum nhập khẩu giảm có thể dự đoán được khi tổng nhu cầu nhập khẩu than của Nhật Bản giảm, các nhà phân tích của Platts cho biết.

Lượng than nhập khẩu của Nhật Bản trong chín tháng đầu năm đạt 85,57 triệu tấn, tăng từ 84,5 triệu tấn trong cùng kỳ năm ngoái, mặc dù tổng lượng than nhập khẩu của Nhật Bản trong năm 2018 được dự kiến thấp hơn năm 2017, do các nhà máy điện hạt nhân đang phục hồi và điện tái tạo phát triển có thể ảnh hưởng đến sản lượng nhiệt điện, Platts Analytics cho biết. Theo chỉ số giá than Platts NEAT index, giá than 5.750 kcal/kg NAR vận chuyển đến khu vực Bắc Á đạt trung bình 87,35 USD/tấn trong tháng 9, tăng từ 83,92 USD/tấn trong tháng 8.

Tổng lượng than tiêu thụ của Trung Quốc trong chín tháng đầu năm tăng dù nỗ lực chuyển đổi sang sử dụng gas

Đại diện của Ủy ban Năng lượng Quốc gia (NEA) cho biết, tổng lượng than nhiệt tiêu thụ bởi Trung Quốc tiếp tục tăng trong giai đoạn chín tháng đầu năm mặc dù nước này đang nỗ lực chuyển từ sử dụng than sang khí gas, loại nhiên liệu thân thiện với môi trường hơn. Tổng sản lượng điện tiêu thụ từ tháng 1 đến tháng 9 đã tăng lên mức cao nhất trong vòng sáu năm trở lại đây do thời tiết tại Trung Quốc khá nóng bức, cán bộ cấp cao Li Fulong của NEA cho biết trong một cuộc họp báo. Sản lượng than được tiêu thụ trong bốn lĩnh vực công nghiệp chính (điện lực, luyện thép, hóa chất và xây dựng) đều tăng cao. Trong đó các công ty điện lực chiếm 53,9% tổng lượng than tiêu thụ, tăng khoảng 2,3% so với năm trước.

Trong khi đó, lượng khí gas tiêu thụ tăng 16,7% so với cùng kỳ năm ngoái. Mặc dù lượng khí gas tiêu thụ giảm nhẹ trong lĩnh vực hóa chất và trong thành phố, lượng khí gas tiêu thụ trong lĩnh vực công nghiệp và phát điện ghi nhận sản lượng tăng với tốc độ hai con số so với năm ngoái. Trong nỗ lực giảm phát thải, Trung Quốc trong năm ngoái đã lập ra kế hoạch tham vọng “chuyển đổi sử dụng than sang khí gas” nhằm giảm sử dụng than để sưởi ấm. Trung Quốc đã đặt nền móng cho cuộc chiến giảm phát thải trong vài năm vừa qua, khi đóng cửa một số mỏ than nhỏ và không hiệu quả. Vào thứ 2 (29/10), Trung Quốc công bố nước này sẽ cho 1,18 triệu hộ dân tại 11 thành phố của ba tỉnh trung tâm Trung Quốc chuyển đổi sang sử dụng khí gas để sưởi ấm trong mùa đông năm nay. Mặc dù mức sử dụng khí gas tăng lên, các chuyên gia cho rằng than nhiệt sẽ khó có khả năng thay thế trong thời gian gần.

Giá cước vận tải biển của Trung Quốc tiếp tục giảm trong tuần tính đến ngày 30/10

Giá cước vận chuyển than từ cảng Qinhuangdao, miền Bắc Trung Quốc đến những cảng khác của Trung Quốc như Zhangjiagang, Shanghai và Guangzhou tại miền Đông và miền Nam Trung Quốc tiếp tục giảm tính đến ngày 30/10, cảng vận Qinhuangdao cho biết vào thứ 3 (30/10). Giá cước vận chuyển từ Qinhuangdao đến Zhangjiagang, miền Đông tỉnh Jiangsu Trung Quốc cho tàu 20.000-30.000 tấn giảm 7 NDT/tấn so với tuần trước xuống còn 44,70 NDT/tấn (tương đương 6,43 USD/tấn), theo cảng vận Qinhuangdao. Giá cước từ Qinhuangdao đến Shanghai, miền Đông Trung Quốc cho một tàu trọng tải 40.000-50.000 tấn giảm 9,40 NDT/tấn so với tuần trước xuống còn 34,90 NDT/tấn. Giá cước từ Qinhuangdao đến Guangzhou, miền Nam tỉnh Guangdong Trung Quốc cho tàu 50.000 - 60.000 tấn giảm 5,20 NDT/tấn so với tuần trước xuống còn 47,20 NDT/tấn. Lượng than dự trữ cao kết hợp cùng nhu cầu tiêu thụ than tại các nhà máy hạ nguồn thấp khiến cho giá cước vận tải giảm. Lượng than dự trữ tại Qinhuangdao đạt 4,785 triệu tấn trong ngày 30/10, tăng từ 4,345 triệu tấn của tuần trước đó.

Tính đến ngày 1/11, tổng lượng than dự trữ tại sáu NMĐ Trung Quốc đạt 16,48 triệu tấn

Tổng lượng than dự trữ tại sáu nhà máy nhiệt điện lớn ở miền Nam và miền Đông Trung Quốc đã đạt 16,48 triệu tấn tính đến ngày 1/11, tăng 4,2% so với con số 15,82 triệu tấn trong ngày 25/10, theo dữ liệu từ cảng vận Qinhuangdao vào thứ 5 (1/11). Sáu nhà máy nhiệt điện lớn của Trung Quốc là: Zhejiang Power, Shanghai Power, Goudian, Datang, Huaneng và Guangdong (Yudean). Sản lượng than trung bình tại sáu nhà máy nhiệt điện ở mức 510.300 tấn/ngày (trong tuần tính đến ngày 1/11), tăng 1,5% so với con số 503.000 tấn/ngày trong tuần tính đến ngày 25/10, theo dữ liệu của cảng vận. Dựa trên mức tiêu thụ than hiện tại, lượng than dự trữ đủ để sử dụng trong 32,3 ngày, tăng 0,85 ngày so với mức 31,45 ngày trong tuần tính đến ngày 25/10. Thời tiết mát mẻ đã làm giảm lượng than tiêu thụ tại các nhà máy nhiệt điện, đồng thời lượng than dự trữ đủ để cung cấp trong thời gian dài.

(Nguồn: www.spglobal.com)